

Số: 1585/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 306/TTr-SNN ngày 28/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 3. Quyết định bãi bỏ 04 Danh mục thủ tục hành chính và 05 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

1. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính tại Mục III, Phần A Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Bãi bỏ 05 quy trình nội bộ đối với 04 TTHC lĩnh vực Chăn nuôi. Trong đó:

- 03 quy trình nội bộ đối với 02 TTHC (Số thứ tự 1,2) Mục I B, Phần I được phê duyệt tại Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- 02 quy trình nội bộ đối với 02 TTHC (Số thứ tự 2, 4) được phê duyệt tại Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lĩnh vực Chăn nuôi.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *uf*

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tùg(5b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
THỰC PHẨM VÀ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

CẤP TỈNH: 04 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: 18 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính; - Qua môi trường mạng	- Thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất TĂ chăn nuôi (TH phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp GCN đủ điều kiện sản xuất TĂCN (TH không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất TĂCN: 1.500.000	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020

4

					đồng/01 cơ sở/lần	của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	3,5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ chính; Bưu - Qua môi trường mạng	- Thẩm định cấp lại (TH không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất TĂ chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

					13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
					- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi;
					- Thẩm định đề cấp GCN: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.
					- Trực tiếp; - Qua dịch vụ chính; - Qua môi trường mạng
					Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
					18 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).
					Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

						- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	3,5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính; - Qua môi trường mạng	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

							và sử dụng phí trong chăn nuôi;
							- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

2



Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Tổng số: 05 Quy trình

1. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.

1.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:

a) Thời gian giải quyết: 25 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 07 ngày làm việc (*Giảm 28 %*)



b) Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Dự thảo văn bản (<i>thành lập đoàn đánh giá</i>) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá	1/2 ngày
B3	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt Quyết định	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày

18

B4	Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt kết quả <i>(giấy chứng nhận)</i>	01 ngày
B5	Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B6	Lưu số và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Văn bản phát hành <i>(đính kèm kết quả)</i>	01 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả <i>(scan Giấy chứng nhận)</i>	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày

1.2. Đối với cơ sở sản xuất (*sản xuất, sơ chế, chế biến*) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:

- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 07 ngày làm việc
 - Thời gian đã cắt giảm: 03 ngày (*Giảm 30 %*)

b) Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Dự thảo văn bản	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	01 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				07 ngày

✓

2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ- CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân (tên cơ sở; tên địa chỉ cơ sở sản xuất, địa chỉ trụ sở) trong Giấy chứng nhận.
- a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc
- Thời gian đã cắt giảm: 1,5 ngày làm việc (Giảm 30 %)

b) Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

✓

B3	Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TĂCN	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				3,5 ngày

✓

3. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).
- a) **Thời gian giải quyết** theo quy định của pháp luật: 25 ngày làm việc
 - Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 18 ngày làm việc
 - Thời gian đã cắt giảm: 07 ngày làm việc (Giảm 28 %)

b) Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm định nội dung, xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phân công Dự thảo văn bản (thành lập đoàn đánh giá) hoặc văn bản từ chối giải quyết hồ sơ nếu hồ sơ không đạt yêu cầu Xét duyệt Quyết định thành lập đoàn đánh giá Trình phê duyệt Quyết định	1/2 ngày 03 ngày 1/2 ngày 01 ngày

B3	Xem xét và Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Quyết định	01 ngày
B4	Đánh giá cơ sở; lập Biên bản đánh giá và trình cấp Giấy chứng nhận	Chuyên viên Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Đánh giá cơ sở; Lập Biên bản đánh giá và tham mưu xử lý	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Xét duyệt, trình cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Trình phê duyệt kết quả (<i>Giấy chứng nhận</i>)	01 ngày
B5	Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	01 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Giấy chứng nhận</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày



4. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.

a) Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 3,5 ngày làm việc

- Thời gian đã cắt giảm: 1,5 ngày làm việc (Giảm 30 %)

b) Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Dự thảo văn bản	01 ngày
		Lãnh đạo phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

B3	Sở Nông nghiệp & PTNT xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	1/2 ngày
B4	Lưu hồ sơ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý Giống và Kỹ thuật chăn nuôi	Văn bản phát hành(<i>Giấy chứng nhận</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TĂCN	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				3,5 ngày

